

Bản án số: 160/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt
Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXX-ST ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh ngày 06/9/1989 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 151-153 đường Đ, khu tịch C, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc).

Ủy quyền cho chị Phạm Thị H, sinh ngày 30/01/1986; Căn cước công dân số 024186008844; Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2021 có chứng thực của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh ngày 14/12/1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (có chứng thực của của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc ngày 23/11/2021), nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Hai vợ chồng chị đăng ký kết hôn ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2015 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đầu năm 2018 thì cùng về Việt Nam chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 3/2018 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc và phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Văn N, sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con nếu anh T yêu cầu thì chị đề nghị cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H trình bày: Hiện nay do làm việc ở xa nên chị không thể về tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án được, chị và anh T không đạt được mục đích hôn nhân nên chị đề nghị không hòa giải, chị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án. Chị ủy quyền cho chị Phạm Thị H, sinh ngày 30/01/1986; Căn cước công dân số 024186008844; Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thay mặt chị đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nộp các tài liệu, chứng cứ, nộp tạm ứng án phí, chi phí tố tụng khác, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhận bản án, trích lục án khi Tòa án xét xử xong vụ án ly hôn giữa chị và anh Tuấn, chị hải có trách nhiệm thông báo lại nội dung các văn bản trên cho chị. Thời hạn ủy quyền từ khi ủy quyền đến khi giải quyết xong vụ án.

Anh Phạm Văn T là bị đơn trình bày: Hai vợ chồng anh đăng ký kết hôn ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2015 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đầu năm 2018 vợ chồng cùng về Việt Nam chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 3/2018 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc và phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H có đơn khởi kiện ly hôn anh anh đồng ý. Anh đề nghị Tòa án xử cho anh, chị được ly hôn nhau.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Văn N, sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng anh đồng ý. Anh không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: anh và chị H không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T trình bày: Hiện nay do công việc của anh bận nên anh không thể về tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, anh và chị H không đạt được mục đích hôn nhân nên anh đề nghị không hòa giải, anh xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của anh trong vụ án này.

Cháu Phạm Văn N trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố, được bố nuôi dưỡng đầy đủ nên nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với bố.

Tại phiên tòa, Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Văn T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị Thu H, anh Phạm Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn đang lao động tại Đài Loan khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T (Đơn có xác nhận của xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), anh Phạm Văn T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình cụ thể là về việc ly hôn giữa chị H, anh T, về nuôi con chung và có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ gì. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt đương sự: Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn, anh Phạm Văn T là bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Chị H, anh T đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Chị H, anh T đều thống nhất ly hôn. Như vậy, vợ chồng chị H, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T, xử cho chị H và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T đều trình bày vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Văn N, sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng anh T. Khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị giao con chung Phạm Văn N cho anh T nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu đề nghị của chị H về việc giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị H đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, chị H đề nghị giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh T đồng ý đề nghị này và hiện nay cháu N đang ở cùng anh T, từ khi chị H đi lao động nước ngoài cháu N vẫn do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường. Mặt khác, cháu N trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng bố. Do đó yêu cầu và trình bày của chị H là có cơ sở và có căn cứ chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung là cháu Phạm Văn N, sinh ngày 29/7/2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của cháu N và đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Trường hợp chị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị H, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Văn N, sinh ngày 29/7/2013 cho anh Phạm Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000243 ngày 16/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị Thu H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TAND;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền

